

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2020/HS-PT
Ngày: 11/3/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông E.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Việt Hùng
2. Ông Phan Thanh Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 80/2020/HSPT ngày 14 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo H do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 227/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

H; sinh năm: 1985; tại: tỉnh N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã AH, thành phố B, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Tài xế; con ông A và bà C; vợ: D; con: có 01 con sinh ngày 14/7/2019; Bị tạm giữ từ ngày 09/7/2019 đến ngày 12/7/2019, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

- Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bào chữa: Ông T là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV DAT thuộc Đoàn Luật sư Thành phố M, bào chữa cho bị cáo H (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông E, sinh năm 1985; địa chỉ: số 383 Đường NDT, phường BTĐ, Quận X, Thành phố M (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 4 giờ 50 phút ngày 09/7/2019, tại Tỉnh lộ 8 thuộc ấp 3, xã PVA, huyện C, Đội CSKT Công an huyện Củ Chi phối hợp với Cảnh sát giao thông tiến hành kiểm tra xe ô tô biển số 51G-009.92, phát hiện bắt quả tang H đang vận chuyển 2.400 bao thuốc lá điều nhập lậu, gồm: 1.800 bao thuốc lá hiệu JET và 600 bao thuốc lá hiệu HERO.

Quá trình điều tra, H khai vào khoảng 2h30' ngày 09/7/2019, H điều khiển xe ô tô biển số 51G-009.92 chở khách đến khu vực cửa khẩu Tho Mo thuộc xã Mỹ Quý Tây, huyện DH, tỉnh L. Sau khi khách xuống xe thì có người đàn ông (không rõ lai lịch) đến thuê vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu về Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với giá 1.000.000 đồng/chuyến và sẽ có người đi theo sau hướng dẫn đến địa điểm giao nhận hàng thì H đồng ý. Sau đó, người đàn ông này điều khiển xe máy (không rõ biển số) dẫn H điều khiển xe ô tô lưu thông trên đường đê thuộc xã MQT, huyện DH, tỉnh L. Tại đây, H ngồi trên xe, mở cốp xe và cửa xe để cho một số người mang thuốc lá nhập lậu vào trong xe. Khi H điều khiển xe đến địa bàn thuộc Ấp 3, xã PVA, huyện C thì bị phát hiện và bắt giữ như nêu trên.

Vật chứng của vụ án: 1.800 bao thuốc lá hiệu JET, 600 bao thuốc lá hiệu Hero, 04 bao nylon màu đen và 01 xe ô tô biển số 51G-009.92 (đã trả lại cho chủ sở hữu - bút lục 74-97).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 227/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử: Tuyên bố bị cáo H phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 191; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: bị cáo H 01 (một) năm tù, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/7/2019 đến ngày 12/7/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

- Phạt bổ sung bị cáo H số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/12/2019, bị cáo H có đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo H giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo vì gia đình có bà nội là Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính nuôi con còn nhỏ.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ phạm tội, cũng như các tình tiết định khung, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo H, phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo H kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên cần được xem xét.

- Về nội dung kháng cáo: Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo H mức án 01 (một) năm tù là phù hợp. Mặc dù tại phiên tòa, bị cáo không xuất trình tài liệu để chứng minh quan hệ nhân thân có bà nội là Bà Mẹ Việt nam Anh hùng, nhưng gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính nuôi con mới 04 tháng tuổi, là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét, bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng; không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù nên cho hưởng án treo, là phù hợp với quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) sự về án treo.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 năm tính kể từ ngày tuyên án.

Bào chữa cho bị cáo H, Luật sư thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về vụ án đối với kháng cáo của bị cáo H và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật, tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa làm lại cuộc đời, lao động hợp pháp để chăm sóc và nuôi dưỡng con còn nhỏ.

Bị cáo H không tranh luận bổ sung, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo rất hối hận về hành vi vi phạm pháp luật của mình và mong muốn nhận được sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và bản cáo trạng truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính, biên bản tạm giữ tài liệu – đồ vật, lời khai người làm chứng, cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án.

Xét, đã đủ cơ sở để kết luận: Muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo H đã có hành vi nhận số thuốc lá điều nhập lậu tại khu vực gần cửa khẩu TM, xã MQT, huyện DH, tỉnh L để vận chuyển về thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giao hàng theo yêu cầu của một đối tượng (không rõ lai lịch) để được trả công 1.000.000 đồng

hưởng lợi. Vào khoảng 4h50' ngày 09/7/2019, khi bị cáo H điều khiển xe ô tô biển số 51G-009.92 chở số thuốc lá nhập lậu nêu trên lưu thông đến Tỉnh lộ 8 thuộc ấp 3, xã PVA, huyện C thì bị cơ quan Công an tiến hành kiểm tra hành chính, phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng toàn bộ vật chứng là 2.400 bao thuốc lá điều nhập lậu, gồm: 1.800 bao thuốc lá hiệu JET và 600 bao thuốc lá hiệu HERO.

Xét, bị cáo H đã vận chuyển số lượng hàng cấm là 2400 bao thuốc lá điều nhập lậu, nên đã phạm tội thuộc trường hợp “thuốc lá điều nhập lậu từ 1.500 đến dưới 3000 bao”, là tình tiết định tội đối với bị cáo.

Như vậy, với số lượng hàng thuốc lá điều nhập lậu và hành vi nêu trên của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo H, về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà còn ảnh hưởng xấu đến chính sách quản lý việc sản xuất, kinh doanh thuốc lá điều của Nhà nước. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng với động cơ vụ lợi cố ý phạm tội.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/12/2019, bị cáo H có đơn kháng cáo là làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên được chấp nhận để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Xét, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt đáng ra phải chịu theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử phạt bị cáo H mức án 01 (một) năm tù là thỏa đáng, không nặng; đã xem xét đầy đủ, toàn diện tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H có xuất trình tài liệu thể hiện gia đình có thân nhân là người công với cách mạng (có ông nội được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất và bác ruột là liệt sĩ); và gia đình có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, bị cáo là lao động chính. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cần được xem xét.

Xét tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt chưa từng vi phạm pháp luật (theo xác nhận của Công an địa phương nơi cư trú) và tại phiên tòa, thể hiện sự ăn năn hối cải, quyết tâm sửa chữa thành người có ích cho xã hội. Do đó, căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không còn nguy hiểm cho xã hội nên cho hưởng án treo và

án định thời gian thử thách theo quy định đã có tác dụng của hình phạt đối với bị cáo H nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa chung.

Xét, kháng cáo của bị cáo H là có cơ sở nên được chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo hưởng án treo, án định thời gian thử thách là 02 năm tính kể từ ngày tuyên án theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Lập luận nêu trên cũng là căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo H tại phiên tòa phúc thẩm.

+Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo H được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

+Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

+Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 191; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Xử phạt: Bị cáo H 01 (một) năm tù, về tội: “Vận chuyển hàng cấm” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo H chấp hành hình phạt tù của bản án.

+Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích về chế định án treo cho bị cáo H).

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND huyện Củ Chi; (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Sở Tư pháp (1)
- THA huyện Củ Chi; (2)
- TAND huyện Củ Chi; (2)
- Công an huyện Củ Chi; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

E